TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 01/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 05/02/2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HÀ TĨNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nghiêm Khắc Cẩn.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nguyệt và ông Nguyễn Văn Thảo.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Đức Nam - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Hà Tĩnh.

- *Đại diện VKSND Khu vực 5 - Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị T - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm trực tiếp công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 32/2025/TLST-HNGĐ, ngày 10/11/2025 về việc "*Ly hôn, nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 10/01/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2026/QĐST- HNGĐ ngày 29/01/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Cao Thị T1, sinh năm: 1984. Địa chỉ: Thôn C, xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Uông Văn T2, sinh năm: 1974. Địa chỉ: Thôn C, xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Cao Thị T1 trình bày:*

Chị Cao Thị T1 và anh Uông Văn T2 kết hôn với nhau vào ngày 15/11/2002 trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Hà Tĩnh). Sau khi kết hôn chị T1 và anh T2 sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T1 và anh T2 không có tiếng nói chung trong cuộc sống, không tôn trọng lẫn nhau, thường xuyên xảy ra cải vã. Sự việc đã được gia đình hai bên khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Từ năm 2019, vợ chồng sống ly thân. Nay chị Cao Thị T1 thấy tình cảm vợ chồng

không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Uông Văn T2.

- *Về quan hệ con chung:* Chị Cao Thị T1 và anh Uông Văn T2 có 03 người con chung là cháu Uông Thị Tuyết N, sinh ngày: 28/01/2005, cháu Uông Khánh D, sinh ngày: 26/11/2010 và cháu Uông Cao Nhật P, sinh ngày: 18/02/2017. Qúa trình giải quyết vụ án, tại đơn khởi kiện và một số bản khai ban đầu chị T1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Uông Cao Nhật P và Uông Khánh D và yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu D, cháu P đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, tại bản khai ngày 05/01/2026, chị T1 thay đổi về yêu cầu nuôi con là chị T1 có yêu cầu con Uông Cao Nhật P và giao con Uông Khánh D cho anh T2 trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời chị T1 và anh T2 không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Còn đối với con Uông Thị Tuyết N hiện nay đã trên 18 tuổi nên chị T1 không yêu cầu Tòa giải quyết.

- *Về quan hệ tài sản chung:* Chị Cao Thị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về quan hệ vay nợ:* Không có vay nợ.

** Tại bản tự khai và tại biên bản lấy lời khai có tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Uông Văn T2 trình bày:*

Về xác lập quan hệ hôn nhân vợ chồng, nguyên nhân, thời điểm phát sinh mâu thuẫn vợ chồng cơ bản đúng như chị T1 trình bày. Theo anh T2 thì nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do chị T1 muốn được đi làm công ty nhưng vì con đang còn nhỏ nên anh T2 không đồng ý dẫn đến phát mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và sống ly thân. Nay chị T1 yêu cầu ly hôn nhưng anh T2 không đồng ý ly hôn và mong muốn chị T1 suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình.

- *Về quan hệ con chung:* Vợ chồng có 03 người con chung là cháu Uông Thị Tuyết N, sinh ngày: 28/01/2005, cháu Uông Khánh D, sinh ngày: 26/11/2010 và cháu Uông Cao Nhật P, sinh ngày: 18/02/2017. Trường hợp phải ly hôn thì anh Uông Văn T2 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Uông Khánh D và cháu Uông Cao Nhật P, đồng thời không yêu cầu chị Cao Thị T1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Còn đối với cháu Uông Thị Tuyết N hiện nay đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

- *Về quan hệ tài sản chung:* Anh Uông Văn T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về quan hệ vay nợ:* Không có vay nợ.

Tại phiên tòa, C đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án, không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Nguyên đơn thay đổi yêu cầu về nuôi con là yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Uông

Cao Nhật P và cháu Uông Khánh D, đồng thời yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu D, cháu P đủ 18 tuổi. Trường hợp chỉ được giao nuôi một người con thì chị T1 không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn thay đổi lời khai và khẳng định mức thu nhập trung bình mỗi tháng là khoảng 6.000.000 đồng là đúng sự thật.

** Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Hà Tĩnh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

- *Về thủ tục tố tụng*: Từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Cao Thị T1 chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, còn bị đơn anh Uông Văn T2 chấp hành pháp luật tố tụng dân sự chưa nghiêm túc như chưa tham gia đầy đủ tại các buổi làm việc theo thông báo của Tòa án, không tham gia phiên Tòa ngày 29/01/2026 mà không có lý do.

- *Về đường lối giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số : 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016, xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho chị Cao Thị Thanh ly H anh Uông Văn T2; giao cháu Uông Cao Nhật P cho chị Cao Thị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Uông Khánh D cho anh Uông Văn T2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và các bên đương sư không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về quan hệ tài sản và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không xem xét; buộc chị Cao Thị T1 nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về Tố tụng: Xét yêu cầu xin ly hôn anh Uông Văn T2 của chị Cao Thị T1 là quan hệ pháp luật "Ly hôn và nuôi con" theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Cao Thị T1 và anh Uông Văn T2 là hợp pháp. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hợp, không tôn trọng lẫn nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Sự việc mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên

bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Qua làm việc với UBND xã K tại văn bản ngày 26/12/2025 cho biết chị T1 và anh T2 phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Theo chị T1 và anh T2 thì quá trình sống ly thân, chị T1 và anh T2 không có sự trao đổi, bàn bạc để hàn gắn tình cảm với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần khuyên bảo, hòa giải để cho vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng chị T1 không đồng ý mà vẫn cương quyết xin ly hôn anh T2. Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng chị T1 và T2 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Cao Thị T1 đối với anh Uông Văn T2.

[3] Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị T1 và anh T2 có 03 người con là cháu Uông Thị Tuyết N, cháu Uông Khánh D, cháu Uông Cao Nhật P. Xét yêu cầu của các bên về nuôi con, Hội đồng xét xử thấy:

Đối với cháu Uông Thị Tuyết N, sinh ngày 28/01/2005, đã trên 18 tuổi, có công việc ổn định, tự làm ăn nuôi sống bản thân nên việc ở với ai do tự mình cháu quyết định.

Đối với cháu Uông Khánh D, sinh ngày 26/11/2010 là học sinh lớp 10G tại trường Trung học phổ thông L; cháu Uông Cao Nhật P, sinh ngày 18/02/2017 là học sinh lớp 3B tại trường tiểu học S, tỉnh Hà Tĩnh. Qua làm việc với trường THPT L tại văn bản ngày 30/12/2025 và trường Tiểu học S tại văn bản ngày 31/12/2025 được biết qúa trình học tập, sinh hoạt tại trường cháu D và cháu P luôn chấp hành tốt nội quy của nhà trường, lễ phép với thầy cô giáo, hòa đồng cùng bạn bè, kết quả học tập đều đạt và không có biểu hiện gì bất thường. Cháu D và cháu P đều đã trên 7 tuổi, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ trong trường hợp bố mẹ ly hôn.

Các bên đương sự đều có nguyện vọng nuôi con đều là chính đáng, đều thể hiện tình thương, sự quan tâm, chăm sóc các con. Tuy nhiên, chị T1 và anh T2 đều làm nghề lao động tự do, tổng mức thu nhập theo kê khai của anh T2 là trung bình 6.000.000 đồng mỗi tháng; tổng mức thu nhập theo kê khai của chị T1 là trung bình khoảng 8.000.000 đồng mỗi tháng; còn mức thu nhập trung bình người dân làm nghề lao động tự do tại xã K trong năm 2025 theo văn bản làm việc ngày 26/12/2025 là 4.800.000 đồng/01 người/01 tháng. Mặt khác, quá trình sống ly thân chị Cao Thị T1 vẫn thường xuyên đi lại thăm nom các con và hàng tháng đều gửi tiền để cho các con ăn học. Do đó, việc giao cả cháu Uông Khánh D và cháu Uông Cao Nhật P cho một mình anh T2 hoặc một mình chị T1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng thì sẻ không bảo đảm được lợi ích tốt nhất cho các cháu. Do đó, cần giao cho anh T2 và chị T1 mỗi người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng một con mới đảm bảo được lợi ích tốt nhất về mọi mặt cho các cháu; đối với cháu Uông Cao Nhật P, là nữ giới, còn nhỏ nên cần được sự chăm sóc, động viên, chia sẻ nhiều hơn từ người mẹ nên giao cho chị Cao Thị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Uông Khánh D là nam giới cho anh Uông Văn T2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Xét việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị Cao Thị T1 và anh Uông Văn T2 đều là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Cao Thị T1 và anh Uông Văn T2 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về quan hệ vay nợ: Không có vay nợ nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: Chị Cao Thị T1 phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28 ; Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 144; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 8; Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Khoản 1, Khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 24 và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016, xử:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho chị Cao Thị Thanh ly H anh Uông Văn T2.

* *Về quan hệ con chung:* Giao cho chị Cao Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Uông Cao Nhật P, sinh ngày: 18/02/2017 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi; giao cho anh Uông Văn T2 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Uông Khánh D, sinh ngày: 26/11/2010 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Chị Cao Thị T1 và anh Uông Văn T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị Cao Thị T1 và anh Uông Văn T2 đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

* *Về án phí:* Buộc chị Cao Thị T1 phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị T1 đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000515, ngày 10/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh. Tiền án phí chị Cao Thị T1 đã nộp đủ.

* *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn chị Cao Thị T1, bị đơn anh Uông Văn T2 có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/02/2026).

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND kv 5 – Hà Tĩnh;
- THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Đương sự;
- UBND xã Kim Hoa;
- Lưu HS,VP.

Nghiêm Khắc Cẩn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Nguyệt **Nguyễn Văn Thảo** **Nghiêm Khắc Cẩn**